

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT
Ngày 22-02-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 11, ấp 5, xã T, huyện B2, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hữu: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 74, ấp 1, xã N1, huyện B2, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 172/5, ấp 5, xã H1, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 145, khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021 của ông Nguyễn Xuân H và cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị N như sau:

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2020, ông H có cho bà B vay nhiều lần với lãi suất vay là 1%/tháng cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 08/02/2020 vay 13.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi là $13.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 1.690.000 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 13/02/2020 vay 26.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi là $26.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 3.380.000 \text{ đồng}$.

Lần 3: Ngày 23/02/2020 vay 52.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi là $52.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 6.760.000 \text{ đồng}$.

Lần 4: Ngày 28/4/2020 vay 65.700.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, với số tiền lãi là $65.700.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 6.570.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn vay và lãi là 175.100.000 đồng.

Mục đích vay tiền là để cho con đi học và chi phí phân bón trồng thanh long.

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán ông H đã đòi nhiều lần nhưng bà B không trả vốn vay và lãi. Nay ông H yêu cầu bà B, ông B1 phải liên đới trả cho ông H tổng cộng vốn vay và lãi là 175.100.000 đồng, trong thời hạn 02 tuần kể từ ngày 29/10/2021.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B có lời trình bày như sau: Qua lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông H là không đúng.

Bà có vay của ông H 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: vay 10.000.000 đồng nhưng ghi giấy nợ là 12.000.000 đồng;

Lần 2: vay 5.000.000 đồng nhưng ghi giấy nợ là 6.000.000 đồng;

Lần 3: vay 5.000.000 đồng nhưng ghi giấy nợ là 6.000.000 đồng;

Lần 4: vay 10.000.000 đồng nhưng ghi giấy nợ là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Cứ mỗi lần vay 10.000.000 đồng thì phải trả lãi trong 05 ngày là 2.500.000 đồng, ông H yêu cầu ghi giấy nợ là 12.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán bà không có khả năng trả lãi thì ông H cộng vốn vay và lãi lên số tiền vay mới. Bốn giấy mượn tiền ngày 08/02/2020, 13/02/2020, 23/02/2020, 28/4/2020 là do bà ghi tên và ký tên.

Mục đích vay tiền của ông H là để cho con đi học, đầu tư vốn trồng thanh long. Ông B1 không biết bà vay tiền và không biết bà sử dụng vào mục đích gì, vì bà và ông B1 không chung sống với nhau từ lâu, ông B1 hiện nay sinh sống tại thị trấn T, huyện T. Bà và ông B1 có 04 người con và chưa ly hôn theo quy định.

Nay ông H yêu cầu bà và ông B1 phải liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay và lãi là 175.100.000 đồng thì bà không đồng ý. Việc vay tiền chỉ có một mình bà vay và ký tên nên bà đồng ý trả cho ông H số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 có lời trình bày như sau: Ông không biết việc bà B vay tiền của ông H, ông và bà B có 04 người con, chưa ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng đã không sống chung với nhau hơn 20 năm. Hiện ông đang sinh sống tại địa chỉ: Số 145, khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ông H yêu cầu ông và bà B phải liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay và lãi thì ông không đồng ý, vì ông không có vay tiền của ông H.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự; các điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà B, ông B1.

Buộc bà B, ông B1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay và lãi, tổng cộng là 171.972.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về phần tính lãi chậm trả với số tiền lãi là 3.128.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B và ông B1 được miễn nộp án phí. Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 4.360.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000930 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông H được nhận lại số tiền là 4.060.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, ông B1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về việc không buộc ông liên đới trả số tiền cho ông H vì ông hoàn toàn không biết việc bà B vay tiền, vay để làm gì, ông và bà B đã ly thân, cả hai không sống chung nhà 20 năm, ông chỉ về nhà khi cúng giỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn do bà N đại diện ủy quyền trình bày: Mục đích vay tiền của bà B là để cho con đi học và chi phí phân bón trồng thanh long nên ông B1 vẫn có nghĩa vụ liên đới cùng bà B để trả nợ. Xác định việc cho vay tiền ông B1 không biết, không có ký giấy nhận nợ và cũng không có báo cho ông B1 biết việc bà B nợ tiền, đến khi bà B không trả thì đến nhà đòi nợ có gặp ông B1.

Bị đơn bà B trình bày: Mục đích vay tiền của ông H, bà sử dụng một ít để cho con đi học, bà có đầu tư vốn trồng thanh long và những khoản chi tiêu khác. Ông B1 không biết bà vay tiền và không biết bà sử dụng vào mục đích gì, vì bà và ông B không chung sống với nhau từ lâu, ông B1 hiện nay sinh sống tại thị trấn T, huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 có lời trình bày như sau: Ông không biết việc bà B vay tiền của ông H, ông và bà B đã không sống chung với nhau khoảng 20 năm. Hiện ông đang sinh sống tại địa chỉ: Số 145, khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ông H yêu cầu ông và bà B phải liên đới trả cho ông H số tiền vốn vay và lãi thì ông không đồng ý, vì ông không có vay tiền của ông H. Ông và bà B có 04 người con, ông là người lo việc học và cưới vợ cho con, đưa con trai nhỏ đã hơn 23 tuổi vào thời điểm bà B vay tiền nên lý do lo cho con đi học là không đúng. Việc lo cho con nhập ngũ và công việc ổn định, lập gia đình là do ông lo từ nguồn tiền đất tại Tân Hưng được giải tỏa đền bù. Bà B không có đất để trồng thanh long, ngôi nhà bà B đang ở ông đã giao cho con ông quản lý, trên đất có vườn nhưng không có trồng thanh long đến mức phải đi vay tiền, ngoài ra không còn đất nào khác.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Ông B1 kháng

cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông B1 không đồng ý liên đới với bà B trả số tiền gốc và lãi là 171.972.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) cho ông H. Nhận thấy, ông H cho bà B vay 04 lần với số tiền 156.700.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) trong thời gian rất ngắn không có thế chấp tài sản để đảm B1, giữa hai bên không có mối quan hệ, không làm ăn chung. Giấy nhận nợ không thể hiện mục đích vay, tuy nhiên các bên trình bày vay để lo con đi học và trồng thanh long. Tại phiên tòa bà B và ông B1 trình bày không có đất để trồng thanh long, chỉ có ngôi nhà và mảnh vườn (bà B trình bày trồng được 110 gốc). Tuy nhiên, thời điểm trồng thanh long không trùng với thời điểm vay tiền và với số tiền vay 156.700.000 đồng để đầu tư trồng thanh long tại mảnh vườn của ngôi nhà là chưa phù hợp. Ông B1 và bà B có 04 người con đã trưởng thành, có công việc ổn định nên lý do để nuôi con đi học là chưa có căn cứ; mặt khác việc ông H cho bà B vay tiền ông B1 hoàn toàn không biết, bên cho vay hoàn toàn không biết ông B1; Bà B và ông B1 đã ly thân hơn 20 năm, ông B1 làm việc và sinh sống tại Tân Hưng nên không có căn cứ để buộc ông B1 liên đới cùng bà B trả nợ cho ông H.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng của ông B1, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông B1 hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông B1 thấy rằng: Qua lời trình bày của các đương sự và tại phiên tòa, bà B thừa nhận chữ ký, chữ viết của 04 “*giấy mượn tiền*” là do bà ghi và ký tên, không ai ép buộc. Bà B không chứng minh được việc chỉ vay có 30.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm buộc trả số tiền vay theo biên nhận đã ký là 156.700.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Bà B và bà N trình bày mục đích vay tiền là để nuôi con ăn học và trồng thanh long là chưa đủ căn cứ. Vì ông B1 và bà B không sống chung nhà với nhau hơn 20 năm, ông B1 làm việc và sinh sống tại số 145, khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An mặc dù chưa ly hôn. Bà N thừa nhận việc cho vay tiền ông B1 hoàn toàn không biết, khi bà B không có khả năng trả bên vay không thông báo cho ông B1 biết vì không biết ông B1 là ai, đến khi ông H đến nhà đòi nợ thì có thấy ông B1.

[3.1] Tại phiên tòa, bà B và ông B1 trình bày ông bà không còn đất nào khác ngoài ngôi nhà ông B đã giao cho con trai quản lý, trên đất có ngôi vườn

nhưng không đến mức phải đầu tư với số tiền 156.700.000 đồng để trông thanh long. Bà B trình bày vay tiền còn sử dụng vào mục tích chi tiêu cá nhân. Ông, bà có 04 người con, người con nhỏ nhất 23 tuổi nên bà B trình bày vay tiền để lo cho con đi học là chưa phù hợp. Bà B thừa nhận mọi việc lo cho con như ăn học, công việc, cưới vợ cho con đều do ông B1 lo. Nên chưa đủ căn cứ để buộc ông B1 phải liên đới cùng với bà B trả cho ông H số tiền vốn vay theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình và theo quy định tại các điều 288, 463 Bộ luật dân sự. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B1.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông B1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông B1 phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Những phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn B1.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Kim B.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền gốc và lãi, tổng cộng là 171.972.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Trong đó bao gồm tiền gốc là 156.700.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 15.272.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả tiền lãi là 3.128.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc buộc ông Nguyễn Văn B1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền gốc và lãi là 171.972.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Xuân H đã nộp là 4.360.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000930 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Ông Nguyễn Xuân H được nhận lại số tiền còn lại sau khi khấu trừ là 4.060.000 đồng (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim B được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B1 không phải chịu.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền